

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**  
Năm báo cáo: 2010  
**ANNUAL REPORT**  
**THANH CÔNG TEXTILE GARMENT INVESTMENT TRADING JC. CO.**  
**In the year 2010**

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ COMPANY HISTORY**

1. Những sự kiện quan trọng/*Milestone*:

- Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương mại - Thành Công (TCG) tiền thân là Hãng Tái Thành Kỹ nghệ Dệt được thành lập năm 1967.
- *The precursor of Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JC. Co. (TCG) is Tai Thanh Textile Firm which was established in 1967.*
- Tháng 08/1976 công ty được chuyển thành Xí nghiệp quốc doanh với tên gọi Nhà máy Dệt Tái Thành, sau đó lần lượt được đổi tên thành Nhà máy Dệt Thành Công, Công ty Dệt Thành Công và đến năm 2000 là Công Ty Dệt May Thành Công.
- *On August, 1976 it was changed into state-owned enterprise under the name Tai Thanh Textile Factory, then the name was changed into Thanh Cong Textile Factory, Thanh Cong Textile Company and Thanh Cong Textile Garment Company in 2000.*
- Tháng 07/2006 công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Dệt May Thành Công.
- *On July, 2006 it was privatized under the name Thanh Cong Textile Garment Joint Stock Company.*
- Tháng 10/2007, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- *On October, 2007 Thanh Cong's share was approved to list officially on Ho Chi Minh city Stock Exchange (HOSE).*
- Tháng 5/2008, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Dệt May Đầu tư Thương mại - Thành Công.
- *On May, 2008 Company name was changed into Thanh Cong Textile Garment Investment Trading Joint Stock Company.*
- Trong hơn 40 năm hoạt động, công ty đã đạt được nhiều phần thưởng cao quý như Đơn vị Anh hùng lao động thời đổi mới (năm 2000), Huân chương lao động hạng ba (năm 1981), hạng nhì (năm 1984), hạng nhất (năm 1986); Huân chương Độc lập hạng ba (năm 1992), hạng nhì (năm 1996), hạng nhất (năm 2006); Liên tục là Doanh nghiệp sản xuất hàng Việt Nam Chất lượng cao, Doanh nghiệp tiêu biểu, Thương hiệu mạnh, các chứng chỉ ISO 9001:2001 (năm 2001), SA 8000 (năm 2002).
- *For more than 40 years of operation, Company has achieved many awards such as The title of Hero of Labor in 2000, Third-class Labor Medal in 1981, second-class in*

*1984, first-class in 1986; Third-Class Independent Medal in 1992, second-class in 1996, first-class in 2006; "High Quality Vietnamese Product", strong Trademarks, "Best-Performing Textile & Garment Enterprises of Vietnam", the ISO certificate 9001:2001 (2001), SA 8000 (2002)*

## 2. Quá trình phát triển/*Growth Path*

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ các hóa chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì;
- *Productions, business, exports, imports of cottons, fiber, threads, cloths, garments, footwear and machines, equipment, parts, auxiliary and raw materials, materials, chemicals (except poisonous chemicals), dyes, packing;*
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh, thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- *Business, exports, imports freezing equipments, air-conditions, radios, televisions, construction materials, transport vehicles; service of installation, repair of machines and equipments; road transport services;*
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại; môi giới thương mại; Ủy thác mua bán hàng hóa; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc thiết bị;
- *Business in real estate, trading center; trading agent services; business mandates services; trading and consignment agent services; rental of office, shop, warehouse, machine, equipment;*
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- *Investment, construction, business, installation, repairment, founding estimate for civil and industrial projects, infrastructure of industrial zone, tourism zone;*
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- *The other business in accordance with the Laws.*

### 2.2. Tình hình hoạt động/*Company activities*

#### a. Hệ thống Nhà Máy Sợi/*Spinning Factory*

- Năng lực sản xuất: 21.000 tấn/năm với tổng số 04 nhà máy.
- *Capacity: 21,000 tons/year with 4 factories totally.*
- Nhà máy Sợi 1: 2.500 tấn/năm
- *Spinning Factory no.1: 2,500 tons/year*
- Nhà máy Sợi 2: 6.500 tấn/năm
- *Spinning Factory no.2: 6,500 tons/year*
- Nhà máy Sợi 3: 4.500 tấn/năm

- *Spinning Factory no.3: 4,500 tons/year*
  - Nhà máy Sợi 4: 7.500 tấn/năm
  - *Spinning Factory no.4: 7,500 tons/year*
  - Sản phẩm: 100% cotton, Polyester, Visco, Sợi tổng hợp TC, CVC, TR...chi số từ Ne 20 đến Ne 60, và sợi OE.
  - *Products: 100% cotton, Polyester, Visco, TC, CVC, TR etc with Ne 20 - 60 and OE yarn.*
- b. Hệ thống nhà máy Dệt/*Weaving Factory*
- Năng lực sản xuất : 7 triệu mét/năm
  - *Capacity: 7 million meters/year*
  - Sản phẩm: Các loại vải vân điểm, chéo, sọc, carô ..... từ sợi polyester, polyester pha, sợi micro, sợi filament, sợi xơ ngắn, sợi màu, sử dụng để may quần, áo, váy, jacket ...
  - *Products: kinds of fabric plain, twill, striped, checked etc with materials from yarn polyester, polyester mix, micro, filament, short fiber, color fiber and used for clothes, skirt, jacket etc.*
- c. Hệ thống nhà máy Đan/*Knitting Factory*
- Năng lực sản xuất : 7.000 tấn/năm
  - *Capacity: 7,000 tons/year*
  - Sản phẩm: Các loại vải và cổ, bo single jersey, piqué, interlock, rib, fleece, trôn và sọc từ sợi cotton, PE, TC, CVC, Viscose, melange, trên các máy đan 18G, 20G, 24G,
  - *Products: knitting fabrics, collar, cuff single jersey, piqué, interlock, rib, fleece, plain and striped with materials from yarn cotton, PE, TC, CVC, Viscose, melange on knitting machine 18G, 20G, 24G.*
- d. Hệ thống nhà máy Nhuộm/*Dyeing Factory*
- Năng lực sản xuất : 10 triệu mét vải, 8.000 tấn sợi/năm
  - *Capacity: 10 million meters fabric, 8,000 tons yarn/year*
  - Sản phẩm: Các loại vải dệt, vải đan, sợi đã được nhuộm và hoàn tất
  - *Products: weaving fabrics, knitting fabrics, yarn were dyed and finished.*
- e. Hệ thống nhà máy May/*Sewing Factory*
- Năng lực sản xuất : 15 triệu sản phẩm/năm
  - *Capacity: 15 million pieces/year*
  - Sản phẩm: Polo shirts, T-shirts, quần áo thể thao, quần áo lót, quần áo mặc nhà, hàng quà tặng, hàng đồng phục ....
  - *Products: Polo shirts, T-shirts, sports, under wear, indoor clothes, gift, uniform etc*
- f. Các dự án bất động sản/*Real estate projects*
- ❖ *Dự án TC1/ TC1 project:*
  - Mục đích: Xây dựng chung cư cao cấp/*Purpose: High rise apartment.*

- Tiến độ: Đã nộp tiền quyền sử dụng đất, dự kiến sẽ bắt đầu xây dựng vào cuối năm 2011 hoặc vào năm 2012.
- *Status: Paid LUR amount, estimated start to construct at the end of 2011 or on 2012.*
- ❖ Dự án TC2: *TC2 project:*
  - Mục đích: Khu phức hợp/*Purpose: Complex city*
  - Tiến độ: *Kế hoạch dài hạn*
  - *Status: Long term plan*
- ❖ Dự án TC3/ *TC3 project:*
  - Mục đích: Khu phức hợp/*Purpose: Complex Area*
  - Tiến độ: Đang đợi UBND Quận 4 phê duyệt các chỉ tiêu quy hoạch, dự kiến sẽ phát triển dự án vào năm 2012 -2015.
  - *Status: Waiting for approval from District 4 of figures of the project, estimated to develop on period 2012-2015.*
- ❖ Dự án Phan Thiết/*Phan Thiet project:*
  - Mục đích/*Purpose: Resort & Spa*
  - Tiến độ: Giai đoạn đền bù cho 04 hộ gia đình còn lại.
  - *Status: Compensation period for 04 last households.*

### 3. Định hướng phát triển/*Development orientation*

#### 3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*The major objectives of Company*

- Đối với Dệt may: tập trung phát triển khách hàng và thị trường mới nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận. Hợp tác cùng các đối tác chiến lược để tăng sản lượng đồng thời phát triển sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao.
- *Regarding Textile and Garment: concentrate on customer development and new market aiming to gain revenue and profit. Co-operate with strategy partner to increase productivity and create new product with high competition.*
- Đối với BĐS: tập trung phát triển các dự án BĐS nhằm tối ưu hóa quỹ đất hiện có để mang lại lợi ích cho cổ đông, lợi ích cho Công ty.
- *To Real-estate: concertrate on real-state projects aiming to optimize current land fund to make profit for shareholders and Company.*
- Đối với công tác quản lý, mục tiêu của Công ty là:
  - *To the mamagement mission, the objectives of company are:*
    - o Nâng cao trình độ chuyên môn & trình độ quản lý cho toàn thể người lao động trong Công ty: từ cấp quản lý cho đến các nhân viên nghiệp vụ.
    - o *To advance specialist knowledges and management skills for all company employees: from managers to employees.*
    - o Vận dụng những kiến thức, công cụ quản trị mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
    - o *To apply new knowledge, management tools to advance management efficiency.*
    - o Thực hiện các project để giảm chi phí sản xuất cũng như tăng năng suất lao động đối với các nhà máy.

- *To carry out projects to reduce manufacturing expenses as well as gain capacity for factories.*
- Bổ sung nguồn nhân lực kế thừa thông qua các chương trình quản trị viên tập sự.
- *To supplement redundant human resources through Internship program.*

### 3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Medium and long term strategy.*

Tập trung vào các lĩnh vực/ *To focus on fields:*

- Dệt may: sẽ mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc đầu tư thêm máy móc thiết bị, tuyển thêm công nhân cũng như hợp tác phát triển cùng các đối tác chiến lược.
- *Textile and Garment: expand manufacturing size through investing more machines, recruiting more employees as well as cooperate development with strategic partners.*
- Bất động sản: khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có để xây dựng căn hộ và trung tâm thương mại
- *Real-estate: develop efficiently present land fund to build apartments and commercial centre.*
- Bán lẻ: đầu tư và hợp tác cùng đối tác chiến lược để phát triển thị trường bán lẻ
- *Retailing: invest and cooperate with strategic partner to develop retailing market.*

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### II. REPORT OF THE BOARD OF DIRECTOR.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (Lấy theo báo cáo tài chính hợp nhất)/ *Key figures of business performance in the year (according to consolidated financial statements)*

- Doanh thu thuần: 1.892.738.683.616 VNĐ đạt 145,69 % so với kế hoạch năm 2010.  
*Net revenue VND 1,892,738,683,616 was reached 145.69 % compared with the plan 2010.*
- Lợi nhuận sau thuế: 198.462.191.374 VNĐ đạt 182,62% so với kế hoạch 2010  
*The profit after tax VND 198,462,191,374 was reached 182.62 % compared with the plan 2010*
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ 199.587.769.274 VNĐ đạt 183,66 % so với kế hoạch 2010  
*Profit after tax of the parent company VND 199,587,769,274 was reached 183,66 % compared with the plan 2010*

Kết quả thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2010/ *Performance of Company activities according to GSM's Resolution 2010:*

(Đvt: Vnd)/ *(Unit: VND)*

STT <i>No</i>	Chỉ tiêu <i>Item</i>	Thực hiện năm 2010 <i>Performance</i>	Kế hoạch năm 2010 <i>Plan</i>	Thực tế so với kế hoạch <i>Comparison</i>
1	Doanh thu thuần bán hàng	1.892.738.683.616	1.299.130.200.000	145,69%

	và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i>			
2	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating Profit</i>	214.523.911.060	189.216.324.808	113,37%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN <i>Total profit before tax</i>	227.650.562.878	124.198.931.776	183,30%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Total profit after tax</i>	198.462.191.374	108.674.065.304	182.62%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ/ <i>Total profit after tax of mother company</i>	199.587.769.274	108.674.065.304	183.66%

Tổng nguồn vốn cuối năm đạt 1.913.846.724.581 đồng trong đó vốn chủ sở hữu là 683.363.304.802 đồng chiếm khoảng 35.71 % tổng nguồn vốn. Trong năm 2010 công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 434.382.430.000 đồng lên 447.374.860.000 đồng như hiện nay.

*At the end of year, total liabilities and owner's equity was VND 1,913,846,724,581 of which the owner's equity is VND 683,363,304,802 occupied about 35.71 % of total liabilities and owner's equity. In 2010, the company increased the charter capital from VND 434,382,430,000 to VND 447,374,860,000 as the present.*

2. Tình hình thực hiện 2010 so với thực hiện năm 2009 (tình hình tài chính và lợi nhuận so với năm trước)/*Performance in the year 2010 compared with the performance in the year 2009(financial statues and profit compared with last year)*

(Đvt: Vnd)/(Unit:VND)

STT <i>No</i>	Chỉ tiêu <i>Item</i>	Thực hiện năm 2010 <i>Performance in 2010</i>	Thực hiện năm 2009 (Trình bày lại theo BCTC đã kiểm toán 2010) <i>Performance in 2009 (restated under audited FS 2010)</i>	So sánh thực tế 2010/2009 <i>Comparison 2010/2009</i>
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i>	1.892.738.683.616	1.126.093.301.070	168,08%
2	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating Profit</i>	214.523.911.060	39.201.337.537	547,24%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN <i>Total profit before tax</i>	227.650.562.878	50.792.916.015	448,19%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	198.462.191.374	42.762.925.223	464,10%

	TNDN <i>Total profit after tax</i>			
5	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ <i>Total profit after tax of mother company</i>	199.587.769.274	40.564.227.979	492,03%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2010 vượt năm trước 168,08%; lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ vượt năm trước 492,03%, điều này cho thấy công ty mẹ hoạt động hiệu quả.

*In the year, Net sales have been over 168.08% compared with last year and profit after tax of the parent company has been over 492.03% compared with last year. It showed that the business activities of the parent company have been efficient.*

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm/*Major changes in year.*

- Tìm kiếm khách hàng và thị trường mới ngoài 3 thị trường chính đó là Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản
- *To look for new customers and new market besides 3 major markets which are USA, Europe and Japan.*
- Phối hợp cùng Kotiti, E-Land để phát triển sản phẩm mới.
- *To co-ordinate with Kotiti, E-Land to develop new products.*
- Đầu tư thêm máy sợi chải kỹ tại Nhà máy sợi 4 để tăng sản lượng sợi CM phục vụ nội bộ cho các đơn hàng FOB.
- *To invest more combed yarn machine at the spinning factory no.4 to gain capacity of CM yarn serving internals for FOB orders.*
- Đầu tư thêm máy đan kim tại nhà máy Đan để tăng sản lượng sản xuất nội bộ, giảm sản lượng gia công bên ngoài nhằm giảm chi phí sản xuất và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm.
- *To invest more knitting machine at the knitting factory to gain capacity internals, reduce outwork aiming to reduce expenses and control products quality well.*
- Thoái vốn một số công ty con hoạt động kém hiệu quả (Thành Châu, Thành Tân Tiến, Slico) để tập trung vào ngành kinh doanh chính.
- *To withdraw capital from subsidiaries which had bad performances (Thanh Chau, Thanh Tan Tien, Slico) to concentrate on the core business.*
- Trả dẫn khoản vay dài hạn cho ngân hàng để giảm chi phí tài chính
- *To pay long-term loans to reduce financial expenses.*
- Thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) cho dự án TC1
- *To carry out procedures to be issued Land Use Right Certificate (Red-book) for TC1 project.*
- Đưa vào ứng dụng hệ thống ERP để kiểm soát chi phí cũng như lợi nhuận đến từng khách hàng

- *To apply ERP system to control expenses as well as profit to each customer.*
  - Huấn luyện và áp dụng công cụ BSC xuống các cấp dưới của từng đơn vị để giải quyết các vấn đề cụ thể thông qua từng project
  - *To train and apply BSC tool downing to lower positions of each unit to solve detail matters through each project.*
  - Tuyển dụng nhân sự mới thông qua chương trình quản trị viên tập sự
  - *To recruit new workforce through Management training program.*
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai/*Future prospect and plan.*
- Phát triển khách hàng mới ở Châu Âu, thị trường Mỹ
  - *To develop new customers at Europe and USA market.*
  - Mở rộng quy mô sản xuất bằng cách đầu tư thêm máy móc thiết bị và di dời ra ngoài thành để dễ dàng trong việc tuyển dụng lao động.
  - *To expand manufacturing size by investing equipments and machines and move into outskirts to easy for recruitment.*
  - Đào tạo và phát triển nhân viên
  - *To train and develop employees.*
  - Hợp tác cùng một số đối tác chiến lược
  - *To cooperate with strategic partners.*

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC/REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính (số liệu hợp nhất)/*Financial statement (Consolidated figures)*

##### 1.1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn/*Asset / Liabilities and owner's equity*

Chi tiêu <i>Item</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	2010	2009
<b>Cơ cấu tài sản- <i>Asset</i></b>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản <i>Long-term assets/Total assets</i>	%	51,76	61,46
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản <i>Current assets/ Total assets</i>	%	48,24	38,54
<b>Cơ cấu nguồn vốn-<i>Liabilities and owner's equity</i></b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn <i>Current liabilities/ Total assets</i>	%	64,29	67,94
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn <i>Owner's equity/ Total assets</i>	%	35,71	32,06



1.2. Khả năng sinh lời/*Profitability*:

Chỉ tiêu – <i>Item</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	2010	2009	Tăng (giảm) <i>Increas/ (decrease)</i>
Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu <i>Profit before tax / Revenue</i>	%	12,03%	4,51%	7,52%
Lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản <i>Profit before tax / Total assets (ROA)</i>	%	11,89%	2,98%	8,91%
Lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu <i>Profit before tax / Owner's equity (ROE)</i>	%	33,31%	9,29%	24,02%

Các chỉ số sinh lợi trong năm 2010 đều tăng so với 2009.

*Profitability ratios increased in comparison with 2009*

1.3. Khả năng thanh toán/*Liquidity*:

Chỉ tiêu- <i>Item</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	2010	2009	Tăng (giảm) <i>Increas(decrease)</i>
Khả năng thanh toán hiện hành <i>Current ratio</i>	Lần <i>Time</i>	1,07	0,94	0.13

- 1.4. Cổ tức/lợi nhuận chia cho các cổ đông: căn cứ vào Nghị quyết tại đại hội cổ đông 2010, Công ty thực hiện chia cổ tức 15% trên mệnh giá bằng tiền mặt cho các cổ đông, trong đó tạm ứng 8% tiền mặt đã chốt danh sách ngày 6/4/2011 và thanh toán vào ngày 29/4/2011, 7% còn lại sẽ quyết định thời điểm chi trả sau ĐHCĐ.

*Dividend distribution for shareholders: Basing on the Resolution of GSM in 2010, Company implement to make payment dividend 15% per par-value by cash for shareholders of which company has made payment in advance 8% by cash on closing dated 6<sup>th</sup> April, 2011 and transaction will be implemented on 29<sup>th</sup> April, 2011; remained 7% will be decided the payment date after GSM.*

2. Giá trị cổ phiếu/*Share's value*: Giá trị sổ sách của cổ phiếu 15,732 đồng / *The book value is 15.732 đồng per share.*
3. Những thay đổi của cổ đông/*Changes in shareholders.*
  - Ngày 06/12/2010, công ty đã phát hành thêm 1.299.243 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Đợt phát hành này thực hiện theo Nghị quyết số 01/2009/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17/04/2010. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc phát hành và tăng vốn điều lệ từ hơn 434 tỷ lên hơn 447 tỷ.
  - *On December 06, 2010, the company has issued 1,299,243 bonus shares to the shareholders. The issuance was implemented under the GSM's resolution No. 01/2009/NQ-ĐHCĐ dated 17/04/2010. The company completed the issue and increased charter capital from over VND 434 billion to VND 447 Billion.*

4. Thống kê cổ phiếu/ *Share statistics*

<b>Stt No.</b>	<b>Cổ phiếu/ <i>Share</i></b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành <i>Number of Registered Issuance shares</i>	44.737.486	43.438.243
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Number of shares sold in public</i>	44.737.486	43.438.243
	2.1. Cổ phiếu phổ thông-Common shares	44.737.486	43.438.243
	2.2. Cổ phiếu ưu đãi- Preferential shares	0	0
3	Số lượng cổ phiếu được mua lại <i>Number of repurchased shares</i>	100.450	100.450
	3.1. Cổ phiếu phổ thông-Common shares	100.450	100.450
	3.2. Cổ phiếu ưu đãi- Preferential shares	0	0
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Number of outstanding shares</i>	44.637.036	43.337.793
	4.1. Cổ phiếu phổ thông-Common shares	44.637.036	43.337.793
	4.2. Cổ phiếu ưu đãi- Preferential shares	0	0

5. Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The achieved progress.*

5.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Progress on organization structure, policy, management:*

- Tinh gọn lại bộ máy tổ chức, luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực chuyên môn và trình độ quản lý
- *To reduce organization system, transfer employees in accordance with major ability and management skill.*
- Cán bộ quản lý cấp trung chủ động hơn trong việc phối hợp giải quyết công việc.
- *Junior managers take more initiatives in works resolving cooperation.*
- Ứng dụng công cụ BSC trong công tác quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra.
- *To apply BSC tool in management mission to get achieved objective.*
- Đào tạo cho cán bộ các cấp ý thức trách nhiệm trong công việc, hiểu rõ sứ mệnh của công ty
- *To train managerial levels to be more responsible in work, understand the company mission.*
- Hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân viên và chính sách khen thưởng
- *To finalize employee evaluation system and reward policy*

5.2. Các biện pháp kiểm soát/ *Control method*

- Triển khai hệ thống ERP nhằm quản lý chi tiết đến từng khách hàng, đơn hàng, quản lý hàng tồn kho ...
- *To deploy ERP system aiming management in detail to each customer, order, inventory management.*

- Luân chuyển một số cán bộ quản lý nhằm kiểm tra chéo để tăng cường tính minh bạch.
- *To transfer some managers to check up and gain disclosed information.*

6. Kế hoạch năm 2011/*2011 plan.*

6.1. Kế hoạch kinh doanh năm 2011/*Business plan in 2011.*

- Doanh thu: 2,250 tỷ đồng (tăng 25% so với kết quả năm 2010)
- *Revenue: 2,250 billion dong (increase by 25% in comparision with 2010)*
- Lợi nhuận sau thuế: 142 tỷ đồng (tăng 12.5% so với kết quả năm 2010)
- *Profit after tax: 142 billion dong (increase by 12.5% in comparision with 2010)*

6.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận/*Profit distribution plan.*

<b>STT (No)</b>	<b>Chỉ tiêu- Item</b>	<b>Giá trị -Value(VNĐ)</b>	<b>Tỷ lệ trích- Ratio</b>
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận-<i>Profit</i></b>	<b>142.704.070.166</b>	
	<b>Trong đó-<i>Of which:</i></b>		
1	Cty mẹ- <i>Mother Company</i>	141.750.000.000	
2	Cty góp vốn- <i>Subsidiaries</i>	954.070.166	
<b>II</b>	<b>Giảm trừ lợi nhuận Cty góp vốn-<i>Deduction</i></b>	<b>30.000.000.000</b>	
1	Ảnh hưởng lỗ TCSC – <i>Loss of TCSC</i>	23.000.000.000	
2	Ảnh hưởng lỗ PKDK – <i>Loss of TC Clinic</i>	4.000.000.000	
3	Lợi ích CĐ thiểu số - <i>Minor shareholder 2011</i>	3.000.000.000	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận phân phối-<i>retained profit.</i></b>	<b>112.704.070.166</b>	
<b>VI</b>	<b>Trích lập quỹ- <i>Fund extraction</i></b>	<b>45.081.628.066</b>	<b>40%</b>
1	Quỹ dự phòng tài chính- <i>Reserved financial fund</i>	11.270.407.017	10%
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi- <i>Welfare and Bonus fund</i>	11.270.407.017	10%
3	Quỹ đầu tư phát triển- <i>Investment and development fund</i>	16.905.610.525	15%
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ - <i>Additional reserve fund of charter capital</i>	5.635.203.507	5%
<b>V</b>	<b>Cổ tức được chia-<i>Distribution of dividend</i></b>	<b>67.622.442.100</b>	<b>60%</b>
<b>VI</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức dự kiến chia / vốn điều lệ-<i>estimated ratio dividend/charter capital</i></b>	<b>15%</b>	

- Dự kiến vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 447.374.860.000 đồng-*Estimated Charter capital until 31/12/2011: 447,374,860,000 dong.*
- Hình thức chi trả cổ tức: Năm 2011, Công Ty dự kiến chia cổ tức với hình thức tiền mặt: cơ cấu, cách thức sẽ do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế.
- *Payment method: In 2011, dividend will be estimated to pay in Cash. Organization, time of payment will be decided by BoD based on the real statues.*

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *FINANCIAL STATEMENT***

Xin xem phụ lục đính kèm (*please see the attached appendix*)

#### **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN/ *NOTES OF FINANCIAL STATEMENT AND AUDITING REPORT***

1. Kiểm toán độc lập-*Independent auditing*
  - Đơn vị kiểm toán: PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.
  - Trụ sở: 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

2. Ý kiến kiểm toán độc lập/*Opinion of Independent auditing*:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

*In our opinion, the consolidated financial statements referred to above give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial statement as of 31 December 2010, the consolidated business results and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of Thanh Cong Textile Garment Investment Trading Joint Stock Company in conformity with the prevailing Vietnamese accounting system and standards as well as other related regulations.*

3. Các vấn đề khác/*Other issues*:

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán năm trước mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 2 tháng 4 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đó. Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố các báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 để thể hiện sự thay đổi về chính sách kế toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như được trình bày trong Thuyết minh số 2.2.

*All of the financial reports of the Group as at and for the year ended 31 December 2009 was audited by the previous auditor whose report dated on 2 April 2010, expressed an unqualified opinion on those financial statements. The Group has decided to restate the 2009 consolidated financial statements to reflect changes in the accounting policies as described in Note 2.2 to the consolidation financial statements as at and for the year ended 31 December 2010.*

#### **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN - *RELATIVE COMPANIES*:**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: không
- *Companies that holds more than 50% contributed capital of Thanh Cong: None*
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ: 4 công ty
- *Companies that Thanh Cong holds more than 50% contributed capital: 4 companies*

1. Công ty cổ phần Slico - *Slico joint stock company*:

- Vốn chủ sở hữu: 35.000.000.000 đồng. Trong đó công ty đầu tư vào cổ phiếu 44.521.351.185 đồng (2.450.000 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu – tỉ lệ góp vốn 70%)
- *Owner's equity: VND 35,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 44,521,351,185 (2,450,000 shares; par value VND 10,000/ share-ratio of contributed capital 70%)*
- Hiện công ty chưa chính thức đi vào hoạt động SXKD vì đang ổn định lại nguồn lực để phát triển lâu dài.
- *At the present, the company hasn't run business yet because of stabilizing resources to develop in the long-term.*

Công ty đã chuyển nhượng cổ phần do công ty sở hữu cho nhà đầu tư cá nhân trong năm 2010 dưới hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 13 tháng 10 năm 2010

*Company has transferred the shares that company owned to individual investor in the year 2010 under the shares transferring contract dated 13<sup>th</sup> October, 2010.*

## **2. Công ty cổ phần Thành Tân Tiên- Thanh Tan Tien joint stock company:**

- Vốn điều lệ: 29.250.000.000 đồng, trong đó Công ty đã góp vốn 5.265.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ 60,69%.
- *Charter capital: VND 29,250,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 5,265,000,000 to be equivalent 60.69%*
- Doanh thu thuần năm 2010-*Net sales* : 30.959.509.109 đồng
- Lợi nhuận sau thuế-*Profit after tax* : (2.192.616.627) đồng

Công ty đã chuyển nhượng cổ phần do công ty sở hữu cho nhà đầu tư cá nhân trong năm 2010 dưới hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 05/2010 ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Company has transferred the shares that company owned to individual investor in the year 2010 under the shares transfer contract No. 05/2010 dated 31<sup>st</sup> December, 2010*

## **3. Công ty cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Thành Công - Thanh Cong General Clinic joint stock company**

- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng; Công ty đã góp vốn 8.495.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 56,63%
- *Charter capital: VND 15,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 8,495,000,000 to be equivalent 56.63%*
- Doanh thu thuần năm 2010-*Net sales* : 18.839.552.218 đồng
- Lợi nhuận sau thuế-*Profit after tax* : 104.200.702 đồng

## **4. Công ty cổ phần Thành Quang:**

- Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng; Trong đó công ty đầu tư vào cổ phiếu 21.010.800.000 đồng (2.145.000 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu - tỉ lệ góp vốn 97,50%).
- *Charter capital: VND 22,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 21,010,800,000 to be equivalent 97.50%*

- Kết quả hoạt động của Thành Quang chưa có.
- *Thanh Quang company have not run business yet*

## **VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ/ COMPANY ORGANIZATION**

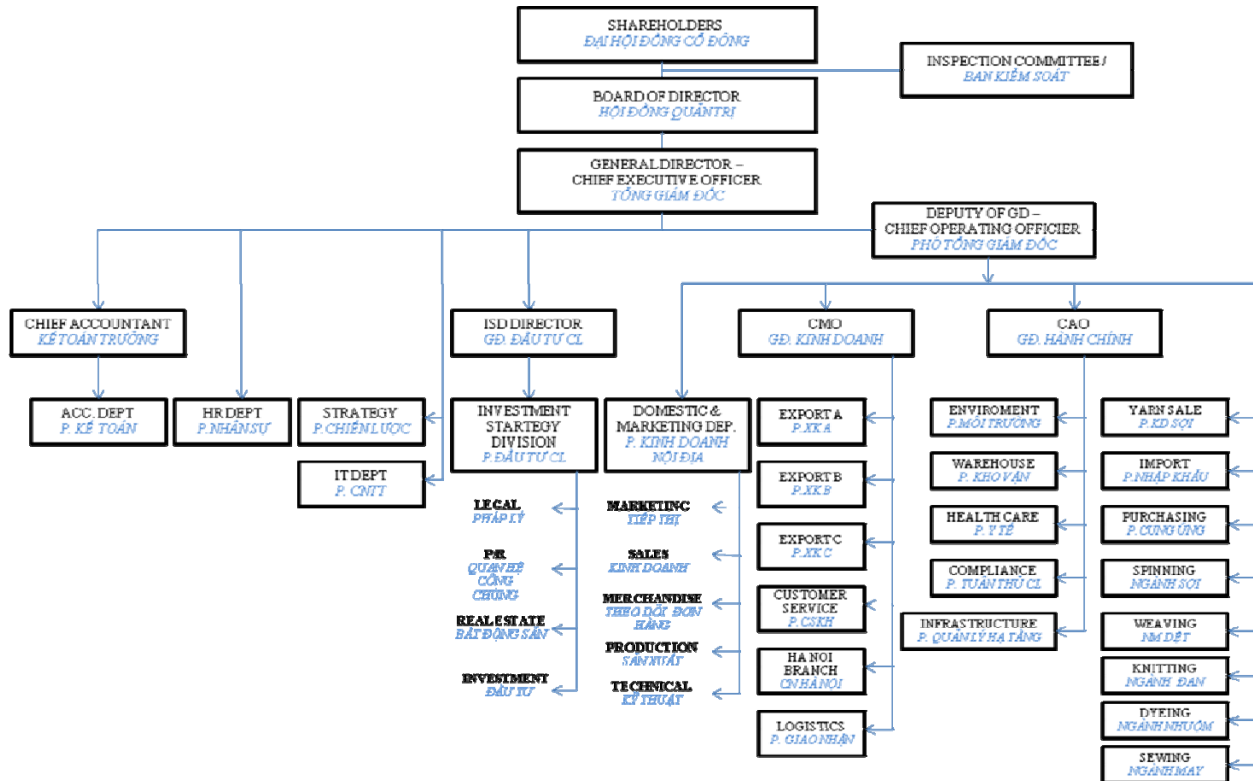
### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty/ *Company structure*

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

*Company is operated as a model of joint stock company under Enterprises Law and other related laws:*

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- *General Shareholder's Meeting: includes all shareholders have voting right, is the Company highest decision-making body.*
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- *The Board of Directors (BoD) is the body with complete jurisdiction to execute all rights on behalf of the Company except for the ones under jurisdiction of the General Meeting of Shareholder.*
- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- *The Board of Management (BoM) is the body which operates daily activities of Company and take responsibility with BoD regarding implementation of rights and duties were assigned.*
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.
- *Inspection Committee (IC) is the body which supervise all business, management, operation of Company on behalf of the Shareholders.*

#### 1.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty/ *Organization Chart*



## 1.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc/Resume of BoMs positions

### a. Tổng giám đốc/General Director

Họ và tên

**LEE EUN HONG**

Full name:

Giới tính

Nam

Gender:

Male

Ngày tháng năm sinh:

26/12/1961

Date of birth

Nơi sinh:

Hàn Quốc

Place of birth

Korea

CMND/Hộ chiếu:

M80038169 - Cấp ngày 16/04/2010 - Tại Bộ Ngoại Giao Hàn Quốc

Passport

Quốc tịch:

Hàn Quốc

Nationality

Korea

Địa chỉ thường trú:

Chung cư Mỹ Phát, đường Nguyễn Hữu Cảnh, P. Tân Phong, Q.7, Tp.HCM

Permanent residence

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư điện, Cử nhân Quản lý doanh nghiệp – Đại học Yonsei

Professional skill

Quá trình công tác:

1990 đến nay: Tập đoàn E-land (Hàn Quốc)

Working experience

1990 – Present: E-land Group (Korea)

b. Phó Tổng giám đốc/*Deputy General Director*

Họ và tên: **KIM JUNG HEON**  
*Full name*

Giới tính: Nam  
*Gender* Male

Ngày tháng năm sinh: 01/12/1966  
*Date of birth*

Nơi sinh: Hàn Quốc  
*Place of birth* Korea

CMND/Hộ chiếu: 7068490 - Cấp ngày 04/11/2006 - Tại Hàn Quốc  
*Passport*

Quốc tịch: Hàn Quốc  
*Nationality* Korea

Địa chỉ thường trú: Cantavil, Phường An Phú, Quận 2, Tp.HCM, VN  
*Permanent residence* Cantavil, An Phu ward, Dist. 2, HCM city, Vietnam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư kinh tế nông nghiệp – Đại học Korea  
*Professional skill*

Quá trình công tác: 1995 – 2001: Công ty E-Land World  
*Working experience* 2003 – 2009: Công ty E-Land Việt Nam

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc E-Land Việt Nam  
*Current position in other organization* General Director of E-land Vietnam

1.3. Trong năm 2010, Công ty không có thay đổi Tổng Giám đốc điều hành.  
*In the year 2010, Company didn't change the General Director position.*

1.4. Quyền lợi của Ban Giám đốc/*Benefit of Board of Management:*

- Mức lương/*Salary level:*
  - o TGD/*General Director:* 7.000 usd/tháng/*7,000 usd per month*
  - o PTGD/*Deputy General Director:* 5.000 usd/tháng/*5,000 usd per month*
- Thưởng: lương tháng 13, thưởng các dịp lễ, thưởng cuối năm
- *Bonus: the 13<sup>th</sup> month salary, bonus on Holidays, end of the year base on performance*
- Phép năm: 30 ngày/ năm.
- *Annual leave: 30 days/year.*
- Chế độ khác/*Other benefit:*



- Công ty thanh toán chi phí vé máy bay khứ hồi từ TP.HCM -> Hàn Quốc, nghỉ phép 2 lần/ năm.
- *Expenses of air ticket from HCM city – Korea (return) 2 times/year.*
- Công ty thanh toán chi phí vé máy bay khứ hồi từ TP.HCM -> Hàn Quốc, nghỉ phép 1 lần/ năm cho gia đình.
- *The company pays the cost of air ticket from HCM city – Korea (return) 1 time/year for the family*
- Công ty thanh toán trợ cấp nghỉ việc nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tại công ty
- *The company pays for the severance pay half monthly salary for every working year at the company*
- Công ty mua bảo hiểm tai nạn cho bản thân và gia đình trong thời gian làm việc tại công ty và sinh sống tại Việt Nam
- *The company buys Accident Insurance service for himself/herself and his/her family while he/she is working for the company and they are living in Vietnam*

1.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động/ *Number of employee and policies with employee:*

a. Số lượng CBCNV (đến cuối tháng 12/2010): 4.221 lao động.

*Number of employee (up to end of December, 2010): 4,221 employees.*

b. Các chính sách đối với người lao động/ *Welfare with employee:*

- Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn –BHLĐ
- *To apply welfare for employee under the Labor Code, Law on social insurance, such as: training, labor contracts, working time and rest, Holidays, leave, overtime, night shift allowances and other social regulations, health insurance, discipline, policies for women workers, security - labor protection, ...*
- Các chế độ phúc lợi khác
  - Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm
  - Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ
  - Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm; khám phụ khoa
  - Đồng phục và BHLĐ
  - Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; xe đưa rước công nhân đi làm việc, ...
- *Other welfare:*
  - *Bonus on the holidays, the 13th month salary, performance bonus end of year.*
  - *Physical allowance.*

- *Periodical health examination, woman-checking disease and occupational diseases every year.*
- *Uniforms and labor protection (for worker).*
- *Other allowances: incase unexpected difficulties; benefits for female employees to send children in kindergarten; funeral allowance; Giving presents on International Children Day; Giving gifts on marriage of employee; annually vacation; take worker go to work by car.*

#### 1.6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/ *Changing member of BoD*

- Ngày 14/5/2010, HĐQT đã chấp nhận Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Mai Văn Sáu vì lý do cá nhân.
- *On May 14<sup>th</sup>, 2010 BoD accepted Resignation Letter from BoD's member position of Mr. Mai Van Sau due to private reason.*
- Ngày 3/8/2010, HĐQT đã chấp nhận Đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT đồng thời từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Đinh Công Hùng. HĐQT đã bầu Chủ tịch HĐQT mới là ông Trần Đình Lâm.
- *On Aug 3<sup>rd</sup>, 2010 BoD accepted Resignation Letter from BoD's member as well as Chairman position of Mr. Dinh Cong Hung. BoD elected the new Chairman for replacement, Mr. Tran Dinh Lam.*
- Ngày 28/9/2010, HĐQT đã chấp nhận Đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT đồng thời từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Trần Đình Lâm vì lý do cá nhân. HĐQT đã bầu Chủ tịch HĐQT mới là ông Kim Jung Heon và đồng ý để trống vị trí Phó Chủ tịch HĐQT cho đến ĐHCĐ lần này.
- *On Sep 28<sup>th</sup>, 2010 BoD accepted Resignation Letter from BoD's member as well as Chairman position of Mr. Tran Dinh Lam due to private reason. BoD elected the new Chairman for replacement, Mr. Kim Jung Heon and BoD also agreed to let vacancy of Vice Chairman position until coming General Shareholders' Meeting.*

### **VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và Quản trị công ty/Capital contribution and Management Shareholders information.**

#### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát/ *BoD and IC:*

##### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát/ *Member and structure of BoD, IC*

##### a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT/ *Incase of BoD:*

<b>Stt No.</b>	<b>HỌ TÊN Full name</b>	<b>CHỨC VỤ Position</b>	<b>Ghi chú Note</b>
1	Ông Đinh Công Hùng	Chủ tịch <i>Chairman</i>	Thành viên độc lập không điều hành. Từ nhiệm tháng 8/2010. <i>Non-executive member. Resigned from Aug 2010.</i>
2	Ông Kim Jung Heon	Phó Chủ tịch	Phó Tổng giám đốc.

		<i>Vice Chairman</i> Chủ tịch từ 28/9/2010 đến nay <i>Chairman from</i> <i>Sep 28<sup>th</sup>, 2010 to</i> <i>present</i>	<i>Deputy General Director</i>
3	Ông Lee Eun Hong	Thành viên <i>Member</i>	Tổng giám đốc <i>General Director</i>
4	Ông Mai Văn Sáu	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành. Từ nhiệm tháng 5/2010. <i>Non-executive member. Resigned from May 2010.</i>
5	Ông Đặng Triệu Hòa	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member</i>
6	Ông Kim Woo Seop	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member</i>
7	Ông Trần Đình Lâm	Thành viên <i>Member</i> Chủ tịch từ 3/8/2010 đến 28/9/2010 <i>Chairman from</i> <i>Aug 3<sup>d</sup>, 2010 to</i> <i>Sep 28<sup>th</sup>, 2010</i>	Thành viên độc lập không điều hành. Từ nhiệm tháng 9/2010 <i>Non-executive member. Resigned from Sep 2010.</i>
8	Ông Kim Soung Gyu	Thành viên, được bầu tại ĐHCĐ ngày 17/4/2010 <i>Member, elected on Apr 17<sup>th</sup>, 2010 by GSM</i>	GD Đầu tư chiến lược <i>Director of Investment Strategy Division.</i>
9	Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên, được bầu tại ĐHCĐ ngày 17/4/2010 <i>Member, elected on Apr 17<sup>th</sup>, 2010 by GSM</i>	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>

b. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ *Incase of IC*

<b>Stt No.</b>	<b>HỌ TÊN Full name</b>	<b>CHỨC VỤ Position</b>	<b>Ghi chú Note</b>
1	Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng Ban <i>Chief of IC</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member.</i>

2	Bà Đinh Thị Thu Hằng	Thành viên <i>Member</i>	Trưởng Phòng Cung ứng; Chủ tịch Công đoàn Công ty <i>Purchasing Manager; President of Trade Union.</i>
3	Bà Bùi Thị Lệ Dung	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member.</i>

### 1.2. Hoạt động của HĐQT/*BoD's activities*

HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện Nghị quyết bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng email.

*The BoD execute their function, obligation according to the laws, Company Charter and GSM's Resolution. The BoD decide issues by voting in meetings or make Resolution by written of voting by email.*

Trong năm 2010, HĐQT đã họp ít nhất 1 lần/quý và lấy ý kiến qua email trong một số trường hợp khẩn hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp. Cụ thể các quyết định của HĐQT thông qua các Biên bản, Nghị quyết như sau:

*In the year 2010, the BoD had meeting at least 1 time/quarter and getting opinion by email incase of urgent or unnecessary to have a meeting. Decision of BoD specific stated in following Minutes, Resolutions:*

<b>STT No.</b>	<b>BIÊN BẢN Minutes No.</b>	<b>NGHỊ QUYẾT Resolution No.</b>	<b>NGÀY Dated</b>	<b>NỘI DUNG Content</b>	<b>GHI CHÚ Note</b>
1	01/2010/BB-HĐQT	01/2010/NQ-HĐQT	8/1/2010	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của TCG tại Thành Tân Tiến <i>Agree to transfer capital contribution in 3T</i>	
2	02/2010/BB-HĐQT	02/2010/NQ-HĐQT	14/01/2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua chủ trương hợp tác khu đất quận 4 với Vietcomreal;</li> <li>- Thông qua chấm dứt hợp đồng TC1 với Tân Hoàng Thăng;</li> <li>- Biểu quyết ngày chốt danh sách để trả cổ tức bằng email.</li> <li>- <i>Approval on TC3 (Dist.4) investment co-operation;</i></li> <li>- <i>Approval on TC1 contract cancellation with Tan Hoang Thang;</i></li> <li>- <i>Agree to decide closing date for payment dividend by email voting.</i></li> </ul>	
3		03/2010/NQ-HĐQT	22/01/2010	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức 2009 và ĐHCĐ là ngày 08/02/2010 <i>The closing date for payment dividend and organization GSM is on Feb 8 2010</i>	
4	03/2010/BB-HĐQT	04/2010/NQ-HĐQT	22/01/2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua hạn mức tín dụng tại Far East, Vietcombank năm 2010;</li> <li>- Đồng ý chuyển nhượng cp TCG tại Sợi thế kỷ, Slico, TCSC;</li> <li>- Đồng ý chuyển nhượng 2 khu đất 5/7 và 871 Trường Chinh;</li> <li>- Ủy quyền TGD đầu tư hoặc bán tài sản cty</li> </ul>	

				<p>với điều kiện không quá 30% tổng giá trị tài sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Approval on the credit limitation in Far East National Bank, Vietcombank.</i></li> <li>- <i>Approval on selling all shares amount are owned by Thanh Cong in Century filber, TCSC, Slico.</i></li> <li>- <i>Approval on selling the two lands in strategy located in 5/7 and 871 Truong Chinh Str., ward 15, Tan Binh Dist.</i></li> <li>- <i>To authorize the General Director decide to invest or sell Company asset in condition that asset not over than 30% of total Company asset value.</i></li> </ul>
5	04/2010/BB-HĐQT	05/2010/NQ-HĐQT	1/2/2010	<p>Sửa ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông là 24/02/2010 (thay vì ngày 08/02/2010), tỷ lệ cổ tức 5% bằng tiền mặt. <i>To amend the date of final registration (closing date) will be on Feb 24<sup>th</sup>, 2010.</i></p>
6	05/2010/BB-HĐQT, ngày 19/02/2010	06/2010/NQ-HĐQT	22/02/2010	<p>Miễn nhiệm KTT- ông Nguyễn Thịnh Trọng; Bổ nhiệm KTT - bà Nguyễn Minh Hào <i>Dismissal of Mr Nguyen Thinh Trong from the Chief Accountant. To nominate Ms Nguyen Minh Hao as the Chief Accountant instead.</i></p>
9	08/2010/BB-HĐQT	09/2010/NQ-HĐQT	14/5/2010	<p>Chấp nhận Đơn từ nhiệm HĐQT của ông Mai Văn Sáu <i>To agree with Resignation of Mr Mai Văn Sáu</i></p>
10		10/2010/NQ-HĐQT	14/5/2010	<p>Ủy quyền TGD ký hợp đồng tín dụng tại Sacombank <i>To authorize the GD sign credit contract with Sacombank</i></p>
11		11/2010/NQ-HĐQT	14/5/2010	<p>Đồng ý chuyển nhượng khu đất 5/7 Trường Chinh <i>Transfer the Land located in 5/7 Trường Chinh</i></p>
12		12/2010/NQ-HĐQT	14/5/2010	<p>Thay đổi đại diện vốn tại TCSC <i>Change capital representative in TCSC</i></p>
13		13/2010/NQ-HĐQT	14/5/2010	<p>Thông qua kết quả quý 1, kế hoạch quý 2/2010 <i>Approve 1st quarter performance, 2nd quarter plan</i></p>
14		14/2010/NQ-HĐQT	14/5/2010	<p>Thay đổi đại diện vốn tại Thành Chí <i>Change capital representative in Thanh Chi</i></p>
16	09/2010/BB-TCG-BKT		7/6/2010	<p>Vay vốn, mở L/C tại Vietinbank <i>To authorize the GD sign credit contract, L/C opening in Vietinbank</i></p>
17		15/2010/NQ-HĐQT	10/6/2010	<p>Ủy quyền TGD ký HĐ tín dụng 1,320,000 CHF với Vietcombank <i>To authorize the GD sign credit contract 1,320,000 CHF with Vietcombank</i></p>
18	10/2010/BB-HĐQT	16/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	<p>Thay đổi đại diện vốn tại Slico <i>Change capital representative in Slico</i></p>
19		17/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	<p>Thay đổi đại diện vốn tại Thành Châu <i>Change capital representative in Thành Châu</i></p>

20		18/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	Thay đổi đại diện vốn tại Thành Tân Tiến <i>Change capital representative in Thành Tân Tiến</i>	
21		19/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	Thay đổi đại diện vốn tại Golf Vũng Tàu <i>Change capital representative in Golf Vũng Tàu</i>	
22		20/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	Thông qua chủ trương hợp tác dự án TC1 <i>Approval on cooperation strategy incase of TC1 project</i>	
23		21/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	Thông qua chuyển nhượng phần vốn góp tại Thành Châu <i>Approval on transferring capital contribution in Thành Châu</i>	
24		22/2010/NQ-HĐQT	6/7/2010	Chọn cty kiểm toán năm 2010 theo ủy quyền của ĐHCĐ <i>Selection of auditor for the year 2010 according to GSM's authorization</i>	
25	10A/2010/BB-HĐQT		12/7/2010	Vay vốn tại VIB <i>To authorize the GD sign credit contract in VIB</i>	
26		23/2010/NQ-HĐQT	20/7/2010	Thông qua Qui chế Hội đồng quản trị <i>Approval on BoD's Regulation</i>	Biểu quyết bằng email <i>By email voting</i>
27		24/2010/NQ-HĐQT	3/8/2010	Chấp nhận Đơn từ nhiệm của ông Đinh Văn Hùng, bầu Chủ tịch HĐQT mới- ông Trần Đình Lâm <i>Agree Resignation Letter of Mr Đinh Văn Hùng, to elect new Chairman- Mr Trần Đình Lâm</i>	
28	12/2010/BB-HĐQT	25/2010/NQ-HĐQT	3/8/2010	Thay đổi đại diện vốn tại Cty Thành Quang: ông Nguyễn Văn Tuấn thay ông Đinh Văn Hùng. <i>Change capital representative in Thành Quang: Mr Nguyễn Văn Tuấn (instead Mr Đinh Văn Hùng)</i>	
29		26/2010/NQ-HĐQT	3/8/2010	Đồng ý chuyển nhượng cp của TCG tại Thành Chí <i>Approval on transferring capital contribution of TCG in Thành Chí</i>	
30		27/2010/NQ-HĐQT	28/9/2010	Chấp nhận Đơn từ nhiệm của ông Trần Đình Lâm, bầu Chủ tịch HĐQT mới - ông Kim Jung Heon <i>To agree Resignation Letter of Mr Trần Đình Lâm, to elect new Chairman- Mr Kim Jung Heon</i>	
31	13/2010/BB-HĐQT	28/2010/NQ-HĐQT	28/9/2010	Ủy quyền CT HĐQT xử lý cổ phiếu lẻ đối với 3% cp thưởng <i>To authorize Chairman to settle the odd share incase of 3% bonus share</i>	
32		29/2010/NQ-HĐQT	28/9/2010	Phê duyệt tặng xe ô tô cho nguyên CT HĐQT; Xử lý nợ khó đòi từ 2008 trở về trước; Thành lập Quỹ từ thiện; Thay đổi đại diện Ngành Đan	

				<i>Approval on donation car for former Chairman; Settle bad debts since the year 2008 to earlier; Establishment of Charity Fund; Change representative of Knitting Factory.</i>
33		30/2010/NQ-HĐQT	18/11/2010	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để trả 3% cổ phiếu thưởng năm 2009 <i>Approval on the closing date for payment 3% bonus share of 2009.</i>

### 1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành/*Activities of non-executive BoD's member*

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia hoạt động HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT hoặc biểu quyết các vấn đề qua email.

*Non-executive BoD's member take part in BoD's activities through BoD's Meetings or send Voting opinion via email.*

### 1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động năm 2010: Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý điều hành Công ty thông qua các cuộc họp. BKS họp định kỳ 1 lần/quý và thường xuyên trao đổi thông tin qua điện thoại, email. BKS thực hiện quyền, nhiệm vụ của mình căn cứ qui định Điều lệ Công ty, qui định pháp luật.
- *Activities in 2010: The IC execute the supervision of BoM, General Director in management of Company through the meetings. IC regular meetings 1 time/quarter and often exchange information via phone, email. IC to implement their rights, mission according to Company charter, the laws.*
- Kế hoạch hoạt động năm 2011 của Ban Kiểm soát: Lập báo cáo Ban kiểm soát phục vụ cho đại hội cổ đông thường niên năm 2011, sau đó tổ chức bàn giao cho Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2011 - 2016.
- *2011 plan: making Report of IC to present in 2011 GSM, then handover to IC of new tenure 2011 – 2016.*

### 1.5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Plan to increase efficiency in corporate governance operation*

- Thường xuyên cập nhật các qui định pháp luật về quản trị công ty.
- *To update new legislation regarding corporate governance.*
- Cử nhân sự có liên quan tham gia các lớp đào tạo về quản trị công ty do UBCK, SGDCK Tp.HCM tổ chức.
- *To appoint related people to attend training course about corporate governance organized by SSC, HOSE.*
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- *Regular BoD's Meeting at least once a quarter for checking the Company activities*
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.

- Consider, amend Company governance regulation according to current laws and in accordance with Company situation.

1.6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành/ *Compensation, other benefits and expenses for each member of BoM, IC and of General Director*

a. Thù lao HĐQT năm 2010 (chưa thanh toán)/ *BoD's compensation 2010 (not yet paid):*

STT	Họ tên	Thù lao 2010 trước thuế (đồng)	Ghi chú
No.	Full name	Compensation 2010 before tax (VND)	Note
1	Mr. Dinh Cong Hung	142.024.433	Từ nhiệm tháng 8/2010 <i>Resigned from Aug 2010</i>
2	Mr. Lee Eun Hong	121.731.750	
3	Mr. Kim Jung Heon	152.164.687	
4	Mr. Kim Woo Soup	121.731.750	
5	Mr. Dang Trieu Hoa	121.731.750	
6	Mr. Nguyen Dinh Lam	111.579.322	Từ nhiệm tháng 9/2010 <i>Resigned from Sep 2010</i>
7	Mr. Mai Van Sau	40.573.192	Từ nhiệm tháng 5/2010 <i>Resigned from May 2010</i> Đã thanh toán/ <i>paid in advance:</i> 23,625,000 VND
8	Mr. Kim Soung Gyu	81.158.558	Bổ nhiệm tháng 4/2010 <i>Elected from Apr 2010</i>
9	Ms. Nguyen Minh Hao	81.158.558	Bổ nhiệm tháng 4/2010 <i>Elected from Apr 2010</i>
<b>Cộng/ Total</b>		<b>973.854.000</b>	

b. Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2010/ *IC's compensation 2010:*

- Ông Nguyễn Tự Lực/Mr. Nguyễn Tự Lực : 36.000.000 đồng
- Bà Đinh Thị Thu Hằng/Ms. Đinh Thị Thu Hằng: 27.000.000 đồng
- Bà Bùi Thị Lệ Dung/Ms. Bùi Thị Lệ Dung : 27.000.000 đồng
- Tổng cộng/Total : 90.000.000 đồng

c. Tiền lương, thưởng của Tổng Giám Đốc/ *Salary, bonus of General Director:*

- Tiền lương năm 2010/ *2010 Salary:* 2.297.284.628 đồng
- Tiền thưởng/ *Bonus:* 389.692.308 đồng
- Tổng cộng/ *Total:* 2.686.976.936 đồng

1.7. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 6 người bao gồm:

*Number of member of BoD, IC, BoM who have Certificate of corporate governance: 6 people including:*

- 03 (hai) thành viên HĐQT/ *3 (three) BoD's members*



- 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát/2 (two) IC's members
- Thư ký Công ty/Company Secretary

1.8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT/ *The share holding rate of BoD's members and changing*

Stt No.	Họ tên <i>Full name</i>	Số lượng cp theo Báo cáo thường niên năm 2009 <i>Number of share according to Annual Report 2009</i>	Tỷ lệ % <i>Ratio</i>	Số lượng cp tới thời điểm ngày 10/3/2011 <i>Number of share up to date Mar 10, 2011</i>	Tỷ lệ % <i>Ratio</i>
1	Mr. Dinh Cong Hung	100,629	0.23	0	0
2	Mr. Lee Eun Hong	0	0	0	0
3	Mr. Kim Jung Heon	0	0	0	0
4	Mr. Kim Woo Soup	0	0	0	0
5	Mr. Dang Trieu Hoa	24,259	0.06	24,259	0.06
6	Mr. Nguyen Dinh Lam	0	0	15,000	0.03
7	Mr. Mai Van Sau	8,000	0.01	9,850	0.02
8	Mr. Kim Soung Gyu	0	0	0	0
9	Ms. Nguyen Minh Hao	0	0	0	0
	<b>Cộng/Total</b>	<b>132,888</b>	<b>0.3</b>	<b>49,109</b>	<b>0.11</b>

1.9. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share trading of BoD's members, BoM, IC and their related people*

a. Giao dịch trong quý I/2010/ *Transaction during 1<sup>st</sup> quarter 2010*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH E-land VN	Thành viên HĐQT	150.000	0,34%	300.000	0,69%	Mua
2	Công ty E-land Asia Holdings Pte.,Ltd	Cổ đông lớn	16.364.942	37,67%	17.445.783	40,16%	Mua
3	Đinh Thị Hương	Em của Chủ tịch HĐQT	14.560	0,03%	47.500	0,1%	Mua
4	Đinh Thị Hạnh	Em của Chủ tịch HĐQT	14.560	0,03%	0	0%	Bán
5	Đinh Văn	Chủ tịch	100.009	0,23%	0	0%	Bán

	Hùng (Đình Công Hùng)	HĐQT					
6	Mai Văn Sáu	Thành viên HĐQT	8.000	0,01%	0	0%	Bán
7	Đình Thị Hương	Em của Chủ tịch HĐQT	47.500	0,1%	0	0%	Bán
8	Công ty cp Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT	933.332	2,15%	0	0%	Bán
9	Công ty TNHH E-land VN	Thành viên HĐQT	300.000	0,69%	500.000	1,15%	Mua
10	Tập đoàn dệt may VN	Cổ đông lớn	5.085.800	11,7%	3.977.470	9,16%	Bán
11	Trần Đình Lâm	Thành viên HĐQT	0	0%	15.000	0,03%	Mua

No	Person makes transaction	Relationship with inside shareholder/big shareholder	Share amount at beginning of the quarter		Share amount at the end of the quarter		Reason of increase/decrease (buy, sell, converse, bonus...)
			Amount	Ratio	Amount	Ratio	
1	E-land VN	BoM's member	150.000	0,34%	300.000	0,69%	Buying
2	E-land Asia Holdings Pte.,Ltd	Major shareholder	16.364.942	37,67%	17.445.783	40,16%	Buying
3	Đình Thị Hương	Sister of the Chairman	14.560	0,03%	47.500	0,1%	Buying
4	Đình Thị Hạnh	Sister of the Chairman	14.560	0,03%	0	0%	Selling
5	Đình Văn Hùng (Đình Công Hùng)	Chairman	100.009	0,23%	0	0%	Selling
6	Mai Văn Sáu	BoM's member	8.000	0,01%	0	0%	Selling
7	Đình Thị Hương	Sister of the Chairman	47.500	0,1%	0	0%	Selling
8	Century Fiber	BoM's member	933.332	2,15%	0	0%	Selling
9	E-land VN	BoM's member	300.000	0,69%	500.000	1,15%	Buying
10	Vinatex	Major shareholder	5.085.800	11,7%	3.977.470	9,16%	Selling
11	Trần Đình Lâm	BoM's member	0	0%	15.000	0,03%	Buying

b. Giao dịch trong quý III/2010/*Transaction during 3<sup>rd</sup> quarter 2010*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty E-land Asia Holdings Pte.,Ltd	Cổ đông lớn	17.445.783	40,16	18.032.593	41,51	Mua
2	Tập đoàn dệt may VN	Cổ đông lớn	3.977.480	9,15	3.259.190	7,50	Bán

No	Person makes transaction	Relationship with inside shareholder/big shareholder	Share amount at beginning of the quarter		Share amount at the end of the quarter		Reason of increase/decrease (buy, sell, converse, bonus...)
			Amount	Ratio	Amount	Ratio	
1	E-land Asia Holdings Pte.,Ltd	Big shareholder	17,445,783	40.16	18,032,593	41.51	Buying
2	Vinatex	Big shareholder	3,977,480	9.15	3,259,190	7.50	Selling

1.10. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about contract, transaction signed with company of BoD's members, BoM, IC and their related people*

- Ngày 29/7/2010, Công ty cổ phần dệt may đầu tư thương mại Thành Công đã ký hợp đồng vay vốn với Công ty E-land Asia Holdings Pte., Ltd (Singapore)- một trong những cổ đông lớn của Công ty. Theo đó, Thành Công nhận một khoản vay 1 triệu USD (lãi suất 0,89%/năm) để sử dụng cho các chi phí liên quan đến dự án bất động sản Thành Công Tower 1.
- *On Sep 27<sup>th</sup>, 2010, Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JSC made a Loan Agreement with E-land Asia Holdings Pte., Ltd (Singapore)- one of major shareholders of Thanh Cong. Accordingly Thanh Cong will get a loan amount to be 1 million USD (with interest rate 0.89%/year) to spend expenses for Thanh Cong Tower 1 Project*
- Ngày 13/10/2010: Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đang nắm giữ tại Công ty cp đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Sài Gòn – Long An (Slico).
- *On Oct 13<sup>th</sup>, 2010: Company sold 100% share amount currently hold in Slico.*
- Ngày 31/12/2010: Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp đang nắm giữ tại Công ty cp Thành Tân Tiến.
- *On Dec 31<sup>st</sup>, 2010: Company sold 100% share amount currently hold in 3T.*

- Ngày 07/4/2011, Công ty cổ phần dệt may đầu tư thương mại Thành Công đã ký hợp đồng vay vốn với Công ty E-land Asia Holdings Pte., Ltd (Singapore)- một trong những cổ đông lớn của Công ty. Theo đó, Thành Công nhận một khoản vay 6 triệu USD (lãi suất 0,79%/năm) để sử dụng cho các chi phí liên quan đến dự án bất động sản Thành Công Tower 1.
- *On Apr 7<sup>th</sup>, 2011, Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JSC made a Loan Agreement with E-land Asia Holdings Pte., Ltd (Singapore)- one of major shareholders of Thanh Cong. Accordingly Thanh Cong will get a loan amount to be 6 million USD (with interest rate 0.79%/year) to spend expenses for Thanh Cong Tower 1 Project*

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ *Shareholder statistics*

2.1. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 10/03/2011 bao gồm:

<b>Stt No.</b>	<b>Tiêu chí Items</b>	<b>SL cổ phần Share amount</b>	<b>Tỷ lệ % Percentage</b>
1	Trong nước – <i>Domestic</i>		
1.1	Cá nhân - <i>Individual</i>	9.416.473	21.73%
1.2	Tổ chức - <i>Organization</i>	13.191.320	30.44%
2	Nước ngoài – <i>Foreign</i>		
2.1	Cá nhân - <i>Individual</i>	195.624	0.45%
2.2	Tổ chức - <i>Organization</i>	20.534.376	47.38%
2.3	Phân loại cổ đông nước ngoài theo quốc tịch/ <i>Classify foreign shareholder according to nationality</i>		
a.	USA	113.646	0.26%
b.	Belgium	1.007	0.00%
c.	Canada	56.788	0.13%
d.	Cayman Islands	603.044	1.39%
e.	Germany	4	0.00%
f.	Hong Kong	67.960	0.16%
g.	Japan	68.955	0.16%
h.	Korea	693.869	1.60%
i.	Taiwan	327.494	0.76%
j.	Singapore	18.796.113	43.37%
k.	United Kingdom	1120	0.00%

## 2.2. Cổ đông Nhà nước- *State shareholders*

<b>Tên-Name</b>	<b>SL sở hữu theo GDKKD- Under Business license</b>		<b>SL sở hữu theo DS chốt ngày 10/03/2011 của VSD- Under closing book of VSD on 10/03/2011</b>		<b>Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh Address, Business scope</b>
	<b>Số lượng CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số lượng CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	
Tập đoàn dệt may Việt Nam- <i>Viet Nam textile and Garment group</i>	6.400.000	14,77	3.268.170	7.54	39-41 Bến Chương Dương,Q.1, TP.Hồ Chí Minh; SX-KD (Đa ngành nghề)

## 2.3. Cổ đông sáng lập-*Founding shareholder*

<b>Tên-Name</b>	<b>SL sở hữu theo GDKKD- Under Business license</b>		<b>SL sở hữu theo DS chốt ngày 10/03/2011 của VSD- Under closing book of VSD on 10/03/2011</b>		<b>Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh Address, Business Scope</b>
	<b>Số lượng CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số lượng CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	
Tập đoàn dệt may Việt Nam- <i>Viet Nam textile and Garment Group</i>	6.400.000	14,77	3.268.170	7,54	39-41 Bến Chương Dương,Q.1, TP.Hồ Chí Minh;SX-KD (Đa ngành nghề)
Công ty TNHH thương mại Dịch vụ sản xuất kinh doanh nhà Phụng Hoàng - <i>Phung Hoang production service and trading limited Company</i>	670.000	1,55	0	0	167 Trương Vĩnh Ký, P.Tân thành, Q.TP Thương Mại DV
Công ty TNHH thương mại sản xuất Tân Viễn Đông – <i>Tan Vien Dong Commercial Production Limited Company</i>	250.000	0,58	0	0	58c An Dương Vương, P.16, Q.8, TP.HCM Thương Mại DV
Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ- <i>Soi The Ky joint stock company</i>	833.333	1,92	0	0	Khu B1-1 KCN Tây Bắc Huyện Củ Chi SXKD Sợi
Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất Tân Châu - <i>Tan Chau Commercial Service and Production Limited Company</i>	150.000	0,35	50.000	0,11	217 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM Thương Mại DV

Công ty TNHH thương mại Hùng Xương - <i>Hung Xuong trading limited Company</i>	100.000	0,23	0	0	133/11 Đường số 8, Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân Thương Mại DV
Công ty TNHH Minh Hòa – <i>Minh Hoa Limited Company</i>	2.700	0,001	3.024	0,01	79/3/5 Phan Kế Bính, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM Thương Mại DV
Các cổ đông khác- <i>Other shareholders</i>	34.931.760	80,599	40.016.599	92,34	
<b>Cộng-Total</b>	43.337.793	100	43.337.793	100	

2.4. Cổ đông nước ngoài-*Foreign shareholder*:

<b>Tên-Name</b>	<b>Số lượng CP- Volume of share</b>	<b>Tỷ lệ % (percentage)</b>	<b>Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh Address, Business scope</b>
Công ty E-LAND ASIA HOLDING PTE.LTD	18.796.113	43,37	3 Church Street #08-01, Samsung Hub, Singapore 049483

*Tp.Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2011*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ON BEHALF OF BOD  
CHỦ TỊCH/Chairman**

**Kim Jung Heon**